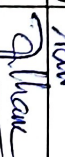


CÔNG KHAI TỔNG THU NHẬP CB - GV - NV THÁNG 4/2024

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	Truy lương và PC theo lương từ 10/2023 đến 3/2024	Phụ trội T3.2024	Lề 30.4 - 1.5	PHỤ C VỤ BÁN TRÚ T4.2024	PHỤ C VỤ ĂN SÁNG T4.2024	LƯƠNG NVND T4.2024	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
1	Nguyễn Thị Kim Ngân	Hiệu trưởng	0			200.000				200.000	
2	Nguyễn Thị Xuân Phương	Phó HT	13.829.268	361.670	2.349.997	200.000	2.885.870	1.578.095		21.204.900	
3	Vũ Đình Uyên Phương	GV - KT nhà trẻ	17.408.725		2.801.503	200.000	2.509.452	1.578.095		24.497.775	
4	Lê Phạm Tường Vân	GV-KT mầm	17.492.175		2.778.911	200.000	2.509.452	1.315.079		24.295.617	
5	Nguyễn Thị Mai Phương	Giáo viên	16.876.647	2.031.242	2.671.617	200.000	2.509.452	1.315.079		25.604.037	
6	Hoàng Thị Ngọc Chi	Giáo viên	12.401.424		1.851.735	200.000	2.509.452	1.578.095		18.540.706	
7	Lê Phương Thảo Ly	Giáo viên	12.047.649		1.787.882	200.000	2.509.452	1.315.079		17.860.062	
8	Huỳnh Thị Cẩm Tú	Giáo viên	17.879.198	446.750	2.615.077	200.000	2.509.452	1.578.095		25.228.572	
9	Đinh Thị Hoa	Giáo viên	16.757.215		2.665.990	200.000	2.509.452	1.315.079		23.447.736	
10	Nguyễn Thị Thu Trang	Giáo viên	14.272.733		2.272.100	200.000	2.509.452	1.315.079		20.569.364	
11	Trần Đăng Ngọc Hương	Giáo viên	10.191.863		1.359.666	200.000	2.509.452	1.578.095		15.839.076	
12	Hồ Ngọc Anh	Giáo viên	11.874.552		1.705.274	200.000	2.509.452	1.315.079		17.604.357	
13	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Giáo viên	9.220.074		1.241.381	200.000	2.377.376	1.245.864		14.284.695	
14	Võ Thị Thùy Dung	Giáo viên	9.176.254		1.137.315	200.000	2.509.452	1.315.079		14.338.100	
15	Nguyễn Thị Kim Ngân	Giáo viên	6.731.660		938.769	200.000	2.509.452	1.315.079		11.694.960	
16	Nguyễn Thanh Thảo	Giáo viên	8.573.510		1.072.938	200.000	2.509.452	1.315.079		13.670.979	
17	Trịnh Thị Diễm Dung	Giáo viên	9.220.074		1.148.044	200.000	2.509.452	1.315.079		14.392.649	
18	Trần Phạm Ngọc Thắm	Giáo viên	7.201.100		898.477	200.000	1.981.147	1.038.220		11.318.944	

STT	Họ và tên	Cấp bậc chức vụ	LƯƠNG NGÂN SÁCH	Truy lương và PC theo lương từ 10/2023 đến 3/2024	Phụ trội T3.2024	Lễ 30.4 - 1.5	PHỤC VỤ BÁN TRÚ T4.2024	PHỤC VỤ ĂN SÁNG T4.2024	LƯƠNG NVND T4.2024	TỔNG THU NHẬP	Ký tên
19	Dương Thị Hoa	Cấp đường	7.955.460	1.236.600	1.243.534	200.000	2.383.980	1.183.571		14.203.145	<i>Đào</i>
20	Trần Tăng Hải	Cấp đường - TT bếp	7.543.260		1.179.102	200.000	2.383.980	1.183.571		12.489.913	<i>Nguyễn</i>
21	Tô Mỹ Châu	NV nuôi đường	7.354.600			200.000	2.383.980	1.183.571		11.122.151	<i>Nguyễn</i>
22	Phạm Trĩ Dũng	Bảo vệ	5.058.600			200.000	2.258.507	920.555		8.437.662	<i>Đào</i>
23	Nguyễn Văn Phú	Bảo vệ	4.538.600			200.000	2.258.507	920.555		7.917.662	<i>Nguyễn</i>
24	Lê Thị Bích Thủy	NVPV	2.340.000			200.000			5.160.000	7.700.006	<i>Nguyễn</i>
25	Lê Thị Duyên	Văn Thư - Thủ quỹ	3.938.441		509.334	200.000	2.509.452	1.183.571		8.340.798	<i>Đào</i>
26	Phạm Thị Kiều Hạnh	Kế toán	4.771.084		639.486	200.000	2.509.452	1.315.079		9.435.101	<i>Đào</i>
27	Nguyễn Thị Lam	NVND - Y tế	2.340.000			200.000			4.960.000	7.500.000	<i>Lam</i>
28	Tô Kim Ngân	NV nuôi đường	2.340.000			200.000			4.342.632	6.882.632	<i>Ngân</i>
29	Trần Thị Thắm	NVPV	4.188.600			200.000	1.756.617	854.801		7.000.018	<i>Thị</i>
	Tổng công		263.522.766	4.076.262	34.868.132	5.800.000	60.821.200	32.070.625	14.462.632	415.621.617	

Kế Toán

Đào

Phạm Thị Kiều Hạnh

Ngày 26 tháng 04 năm 2024
TRƯỞNG
NGŨC LAN
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN